

Bản án số: 435/2021/HS-ST

Ngày: 10/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Tiên Dũng

Bà Nguyễn Thị Lượng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 387/2021/TLST/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 509/2021/QĐXXST- HS ngày 25/10/2021, đối với bị cáo:

Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1986 tại Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: khu phố H, phường B, thành phố B, tỉnh Đ; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm P và bà Trang Kim L; Bị cáo có 8 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh ngày 27/11/2020; tiền sự: không; tiền án:

- Ngày 18/6/2013, bị Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “cướp giật tài sản”, theo bản án số 373/2013/HSPT.

- Ngày 11/8/2014, bị Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án số 373/2013/HSPT ngày 18/6/2013 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù, theo bản án số 244/2014/HSPT. (Bị cáo được hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi)

- Ngày 15/4/2015, bị Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 năm tù của bản án số 244/2014/HSPT ngày 11/8/2014 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm tù, theo bản án số 71/2015/HSPT. (Bị cáo được hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi)

- Ngày 19/6/2019, bị Toà án Nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 05 năm tù của bản án số 71/2015/HSPT ngày 15/4/2015 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù, theo bản án số 184/2019/HS-ST. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/01/2013 đến ngày 18/6/2013 và từ ngày 18/12/2013 đến ngày 20/12/2013. Bị cáo bỏ trốn chưa chấp hành bản án trên nên bị truy nã theo quyết định số 02/QĐTN-CQTHAHS-PC10 ngày 14/02/2020 của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Bị bắt tạm giam: Từ ngày 26/3/2021 cho đến nay.

Bị cáo vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

*Bị hại:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Tô Ngọc V, phường Thạnh X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trang Kim L sinh năm 1969 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: đường Huỳnh Văn L, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

*Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Hồ Văn T, khu phố M, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tỉnh lộ B, khu phố H, phường B, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 13 giờ ngày 19/8/2020, Lâm Thị Ngọc N nhờ S (chưa rõ lai lịch) nói là chở đi công việc, nhưng mục đích của N là đi trộm cắp tài sản. S điều khiển mô tô Vario, biển số 60F3-188.48 của N chở N đi từ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến khu vực chợ Thủ Đức. Khi cả hai đi đến sạp bán rau trước nhà đường H, phường T, quận Đ (nay là thành phố Đ) của bà Trần Thị H thì dừng xe lại. N xuống xe đi bộ vào trong nhìn thấy bà H đang ngủ, bên cạnh để 01 giỏ xách, N liền đi đến lén lút lấy giỏ xách của bà H rồi ra xe để S điều khiển tẩu thoát. Cả hai chạy về nhà trọ ở đường H, phường H, thành phố B, N bỏ giỏ xách ra kiểm tra bên trong có 30.000.000 đồng và 01 đôi bông tai vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K. Sau đó, N nhờ S đi bán 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn vàng được 2.200.000 đồng. Số tiền trộm cắp được N tiêu xài cá nhân hết.

Vào lúc 13 giờ ngày 26/3/2021, Nguyễn Đình Duy Q, sinh năm 1994 điều khiển xe mô tô Vario, biển số 60F3-188.48 chở Lâm Thị Ngọc N đi trên đường P, khu phố M, phường T, thành phố Đ thì bị Công an phường Tam Bình phát hiện đưa N, Q về làm việc. Tại Công an phường Nga khai nhận đã lấy trộm tài sản vào ngày 19/8/2020 tại cửa hàng số 44 Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Lâm Thị Ngọc Nga khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Đối với bà Trần Thị H khai: Sau khi ngủ dậy phát hiện mất giỏ xách bên trong có số tiền là 90.000.000 đồng và 01 đôi bông tai vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K, 01 dây chuyền vàng 18K, 01 lắc đeo chân vàng 18K nên đến Công an phường Trường Thọ trình báo sự việc trên.

Vật chứng vụ án:

- Số tiền là 30.000.000 đồng và 01 đôi bông tai vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K (không thu hồi được).

- 01 xe mô tô Vario, biển số 60F3-188.48; kết quả xác minh do bà Trang Kim L là mẹ ruột của Nga đứng tên sở hữu. Bà L khai khoảng tháng 3/2020, N lấy xe trên sử dụng làm phương tiện đi lại. Việc N sử dụng đi trộm cắp tài sản bà L không biết. Ngày 14/5/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả xe cho bà L.

Trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, bị cáo Lâm Thị Ngọc N chỉ đồng ý bồi thường cho bà Trần Thị H 36.428.800 đồng (gồm 30.000.000 đồng và giá trị của 01 đôi bông tai vàng 18K là 2.984.800 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 18K là 3.444.000 đồng). Bà Trần Thị H yêu cầu bồi thường tổng cộng 103.776.000 đồng, gồm 90.000.000 đồng tiền mặt và 13.776.000 đồng tiền nữ trang (01 đôi bông tai vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K, 01 dây chuyền vàng 18K, 01 lắc đeo chân vàng 18K). Tuy nhiên, tại bản khai ngày 01/11/2021, bà H đồng ý với mức bồi thường của bị cáo N nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 204/CT-VKS ngày 17 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Lâm Thị Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu và kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lâm Thị Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Lâm Thị Ngọc N từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù, tổng hợp hình phạt của bản án số 184/2019/HS-ST ngày 19/6/2019, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà H số tiền là 36.428.800 đồng và vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 19/8/2020, tại sạp bán rau trước nhà đường H, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Thị Ngọc N đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm giỏ xách của bà Trần Thị H, trong đó có 30.000.000 đồng và 01 đôi bông tai vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K. Đến ngày 26/3/2021, Lâm Thị Ngọc N bị Công an phường Tam Bình bắt giữ, giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố Thủ Đức xử lý theo quy định pháp luật.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 1921/CV-HĐĐGTSTTTHS ngày 25/9/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND quận Thủ Đức kết luận về giá của tài sản: 01 đôi bông tai vàng 18K có giá trị 2.984.800 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 18K có giá trị 3.444.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản Lâm Thị Ngọc N chiếm đoạt là 36.428.800 đồng.

Mặt khác, bị cáo đã bị Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “cướp giật tài sản” theo bản án 373/2013/HSPT ngày 18/6/2013. Ngày 11/8/2014, bị cáo bị Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án số 373/2013/HSPT ngày 18/6/2013 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nga phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù, theo bản án số 244/2014/HSPT, (bị cáo được hoãn thi hành án). Ngày 15/4/2015, bị Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 năm tù của bản án số 244/2014/HSPT ngày 11/8/2014 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm tù, theo bản án số 71/2015/HSPT, (bị cáo được hoãn thi hành án). Ngày 19/6/2019, bị cáo tiếp tục bị Tòa án Nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 05 năm tù của bản án số 71/2015/HSPT ngày 15/4/2015 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù, theo bản án số 184/2019/HS-ST. Bị cáo bỏ trốn chưa chấp hành bản án trên nên bị truy nã theo quyết định số 02/QĐTN-CQTHAHS-PC10 ngày 14/02/2020 của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Đồng Nai. Như vậy, bị cáo Lâm Thị Ngọc N tái phạm chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Với các hành vi trên, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lâm Thị Ngọc N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 19/8/2020, căn cứ giấy khai sinh số 204/2021 do Ủy ban Nhân dân phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp thì con bị cáo sinh ngày 27/11/2020 nên có cơ sở xác định bị cáo thuộc trường hợp người phạm tội là phụ nữ có thai, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Ngoài ra, do bị cáo Lâm Thị Ngọc N chưa chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù theo bản án số 184/2019/HS-ST ngày 19/6/2019 của Toà án Nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, nên cần áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt.

Riêng đối tượng S chở N đi trộm cắp tài sản, đến nay chưa xác định được lai lịch. Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh khi làm rõ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Xe mô tô hiệu Vario, biển số 60F3-188.48, số khung MH1KF4118JK373003, số máy KF41E1372854: Kết quả xác minh do bà Trang Kim L là mẹ ruột của Lâm Thị Ngọc N đứng tên sở hữu. Bà L khai khoảng tháng 3/2020, N lấy xe trên sử dụng làm phương tiện đi lại. Việc N sử dụng đi trộm cắp tài sản bà L không biết. Do đó, ngày 14/5/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả xe cho bà L, là phù hợp quy định pháp luật.

- Quá trình điều tra, bà Trần Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 103.776.000 đồng, gồm: Tiền mặt 90.000.000 đồng và nữ trang (01 đôi bông tai vàng 18K, 01 chiếc nhẫn vàng 18K, 01 dây chuyền vàng 18K, 01 lắc đeo chân vàng 18K) có giá trị 13.776.000 đồng. Tuy nhiên, tại bản khai ngày 01/11/2021 bà H đồng ý với mức bồi thường của bị cáo là 36.428.800 đồng. Xét, sự tự nguyện của các đương sự phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

Đối với số tài sản mà bị hại khai đã mất chênh lệch so với bị cáo khai đã lấy, chưa có cơ sở giải quyết trong vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Ngọc N: 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt với hình phạt 07 (bảy) năm tù tại bản án số 184/2019/HS-ST ngày 19/6/2019 của Toà án Nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; bị cáo Lâm Thị Ngọc N phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2021, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/01/2013 đến ngày 18/6/2013 và từ ngày 18/12/2013 đến ngày 20/12/2013.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lâm Thị Ngọc N có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị H số tiền 36.428.800 (ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn tám trăm) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.821.440 (một triệu tám trăm hai mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Sở tư pháp;
- VKSNDTP.Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an TP.Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an TP.Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kim Anh**

